

Số: 01 /GCN-SXD

Hưng Yên, ngày 12 tháng 01 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên, Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 09/01/2024 và Báo cáo số 01/BC-2024 ngày 11/01/2024 của Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên.

Mã số thuế: 0901093546.

Địa chỉ: Thôn Tiên Quán, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Khu đô thị Phúc Hưng, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 30.005.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TVKĐXD Hưng Yên;
- Lãnh đạo Sở (để báo cáo);
- Website Sở;
- Lưu: VT, QLCL^D.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Kiềm

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 30.005

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 01/GCN-SXD ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	Thử nghiệm cơ lý xi măng	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
II	Thử nghiệm cốt liệu bê tông và vữa	
4	Xác định thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:2006
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
7	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
9	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
10	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
11	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
12	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
13	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los-Angeles)	TCVN 7572-12:2006
14	Xác định hàm lượng hạt thô dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa trong đá dăm (sỏi)	TCVN 7572-17:2006
16	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
17	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
18	Xác định hệ số (ES)	AASHTO T176
III	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
19	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
20	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 1993
21	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
22	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022
23	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
24	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
25	Độ mài mòn	TCVN 3114:2022
26	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022
27	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:2022
28	Độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:1993
29	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
30	Xác định giới hạn bền kéo uốn	TCVN 3119:2022
31	Giới hạn bền kéo uốn dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022



Handwritten signature or mark.

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
32	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN 239:2006
33	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
IV	Thử nghiệm vữa xây dựng	
34	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
35	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
36	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022
37	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
38	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
39	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022
40	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
41	Độ dính bám trên nền	TCVN 9349:2012
V	Kiểm tra thép, kim loại, mối hàn	
42	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
43	Thử uốn	TCVN 198:2008
44	Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
45	Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
46	Thử kéo Bu lông, ốc vít	TCVN 1916:1995
47	Lực xiết của bu lông, vít, vít cây	TCVN 8298:2009
48	Lưới rọ đá: Xác định tại vòng xoắn tại mắt lưới	ASTM A975
49	Dây điện, dây tín hiệu: Đường kính sợi đồng, chiều dày lớp cách điện, vỏ bọc, điện trở dây dẫn, thử kéo dây	TCVN 6614:2008; TCVN 6099:2007
50	Cáp dự ứng lực: Xác định cường độ kéo, độ giãn dài	ASTM A370
51	Xác định chiều dày lớp mạ, lớp phủ	TCVN 5408:2007; TCVN 5878:2007
VI	Thử nghiệm cơ lý gạch	
52	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
53	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
54	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
55	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
56	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
57	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
58	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
59	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
60	Gạch bê tông tự chèn: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén; độ mài mòn; độ hút nước	TCVN 6476:2011
61	Gạch bê tông: kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén; độ rỗng; độ mài mòn; độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
62	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước, khối lượng thể tích khô, độ co khô	TCVN 9030:2017
63	Gạch Terrazzo: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; xác định độ bền uốn; xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
VII	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng	
64	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
65	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
66	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
67	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
68	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
69	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
70	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:06; TCVN 12790:2020
71	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
72	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06; TCVN 8821:2011; TCVN 12792:2020;
73	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:01
74	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012;
75	Thí nghiệm nén 3 trục (UU, CU, CD, CV)	TCVN 8868:2011
76	Xác định sức chống cắt của đất bằng phương pháp cắt cánh	TCVN 8725:2012
77	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
VIII	Thử nghiệm tại hiện trường	
78	Đo dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất bằng PP dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 12791:2020; 22TCN 02:1971
79	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	TCVN 8729:12; 22TCN 346:06;
80	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
81	Xác định modul đàn hồi theo đo vồng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
82	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
83	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:2011
84	Phương pháp thử không phá hủy – Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
85	Đo điện trở hệ thống chống sét công trình xây dựng, hệ thống điện	TCVN 9385:2012
86	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
87	Cọc PP thử nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
88	Ống cống bê tông cốt thép: Xác định kích thước và sai lệch kích thước, cường độ chịu tải, khả năng chống thấm	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012
89	Mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn: Xác định kích thước và sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, cường độ bê tông, khả năng chịu tải	TCVN6394:2014
90	Sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn: Xác định cường độ bê tông, khuyết tật, kích thước và mức sai lệch cho phép, khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015
91	Thí nghiệm Bentonite : Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định	TCVN 11893:2017
92	Sơn kẻ đường nhiệt dẻo, sơn phản quang: Xác định chất tạo màng, phân loại hạt và hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, độ mài mòn, độ kháng chảy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn	TCVN 8791:2018
93	Xác định lực cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012
IX	Bê tông nhựa	
94	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
95	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011
96	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
97	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
98	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
99	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
100	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
101	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011
102	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
103	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
104	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
105	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
106	Xác định hàm lượng vật liệu lọt sàng 75 μm trong cốt liệu bằng phương pháp rửa	AASHTO T11-05
107	Thí nghiệm xác định vết hấn lún bánh xe của hỗn hợp bê tông nhựa nóng	AASHTO T 324-04

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
108	Xác định sức kháng trượt bằng con lắc Anh	TCVN 10271:2014
109	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt; lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:84
X	Nhựa bitum, nhựa đường lỏng, nhũ tương axit	
110	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
111	Xác định modulus đàn hồi và độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005
112	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
113	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2:2011
114	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
115	Xác định độ hoà tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005
116	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005
117	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005; TCVN8818-5:2011
118	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
119	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
120	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
121	Thí nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011; TCVN 8818-4:2011
122	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
123	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
124	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
125	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
126	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
127	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
128	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
129	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
130	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
131	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
132	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
133	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
134	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
XI	Phân tích hóa nước cho xây dựng	TCVN 8817-5:2011
135	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
136	Xác định pH	TCVN 6492:2011
137	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
138	Hàm lượng ion sunfat (SO_4^{-2})	TCVN 6200:1996
139	Hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996
XII	Vải địa kỹ thuật – bắc thấm	TCVN 8817-11:2011
140	Trọng lượng bắc, khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
141	Cường độ kéo, kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:2011
142	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011
143	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011
144	Sức chịu chọc thủng	TCVN 8871-4:2011
145	Xác định áp lực kháng bụi, kháng xuyên	TCVN 8871-5:2011
146	Kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:2011
147	Cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012
148	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
149	Độ dày danh định, độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009
150	Xác định sức bền kháng thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484:2010
151	Xác định độ dẫn nước, khả năng thoát nước	TCVN 8483:2010

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.